

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32/2024/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng
trên địa bàn thành phố Hà Nội**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

*Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023
của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi đua, khen thưởng;*

*Căn cứ Thông tư số 1/2024/TT-BNV ngày 24 tháng 02 năm 2024 của
Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định
số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết
thi hành Luật Thi đua, khen thưởng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ thành phố Hà Nội tại Tờ trình
số 792/TTr-SNV ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc ban hành Quyết định của Ủy
ban nhân dân thành phố Hà Nội thay thế Quyết định ban hành Quy định về công
tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Hà Nội.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 27 tháng 5 năm 2024, thay thế Quyết định số 09/2020/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban

nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành Quy định về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở Nội vụ; thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị trực thuộc Thành phố, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; cụm, khối thi đua thuộc Thành phố; các tập thể, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Sỹ Thanh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Hà Nội
(Kèm theo Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết thi hành khoản 4, khoản 6 Điều 24; khoản 3 Điều 26; khoản 3 Điều 27; khoản 3 Điều 28; khoản 6 Điều 74; khoản 2 Điều 75 Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022 (sau đây viết tắt là Luật Thi đua, khen thưởng).

2. Quy định về nguyên tắc xét khen thưởng; xin ý kiến khen thưởng; công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể; hiệp y khen thưởng; thẩm quyền đề nghị khen thưởng; trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; tổ chức hoạt động Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố; tổ chức, hoạt động cụm, khối thi đua; mẫu khung bằng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thủ tục cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng cấp Thành phố; xử lý vi phạm về thi đua, khen thưởng.

3. Những nội dung về công tác thi đua, khen thưởng không quy định tại quy định này được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tập thể, cá nhân trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội, các quỹ xã hội, quỹ từ thiện, các cơ quan, đơn vị trung ương đóng trên địa bàn Thành phố; lực lượng vũ trang nhân dân; các đơn vị sự nghiệp; các tổ chức kinh tế thuộc các thành phần kinh tế, tổ hợp tác, cơ sở sản xuất; hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn

Thành phố; tập thể, cá nhân ngoài Thành phố, người Việt Nam ở nước ngoài và các tổ chức, cá nhân nước ngoài có thành tích tiêu biểu, xuất sắc, đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh của thành phố Hà Nội.

2. Các cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập và tổ chức hoạt động.

Điều 3. Giải thích từ ngữ và các cụm từ viết tắt

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tập thể nhỏ là tập thể có quy mô nhỏ ở cơ sở, bao gồm một số cá nhân cùng thực hiện một nhiệm vụ được các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thành lập hoặc công nhận hoạt động (phòng và tương đương; tổ, đội, phân xưởng sản xuất; khoa, phòng thuộc bệnh viện cấp huyện, bệnh viện cấp tỉnh).

2. Cá nhân lao động trực tiếp là công nhân, nông dân, công chức, viên chức, nhân viên, người lao động không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý của cơ quan, đơn vị.

3. Hiệp y khen thưởng là hình thức lấy thông tin của các đơn vị có liên quan để có thêm căn cứ trước khi quyết định khen thưởng hoặc đề nghị các cấp khen thưởng.

Điều 4. Nguyên tắc xét khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5, Luật Thi đua, khen thưởng; Điều 4, Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây viết tắt là Nghị định 98/2023/NĐ-CP), Điều 1 Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi đua, khen thưởng (sau đây viết tắt là Thông tư 01/2024/TT-BNV) và theo các nguyên tắc sau:

1. Khen thưởng các chuyên đề thi đua hoặc chuyên đề công tác:

a) Chuyên đề thi đua do cơ quan, đơn vị nào phát động thì cơ quan, đơn vị đó xét, khen thưởng.

b) Trường hợp tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu, phạm vi ảnh hưởng trong các lĩnh vực thuộc Thành phố thì cơ quan, đơn vị đó trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, khen thưởng.

Trước khi xét, trình Ủy ban nhân dân Thành phố khen thưởng cho các tập thể, cá nhân; cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện chuyên đề phải xây dựng hướng dẫn về đối tượng, tiêu chí, hình thức, số lượng khen thưởng.

Tỷ lệ đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố khen thưởng tối đa 10% so với tổng số các tập thể, cá nhân tham gia thực hiện chuyên đề (nhưng không quá 20 tập thể, 20 cá nhân).

c) Khi đề nghị khen thưởng đối với các chuyên đề thi đua hoặc chuyên đề công tác của các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố, cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện chuyên đề phải xét, trình các cấp khen thưởng trong thời hạn tối đa 03 tháng sau khi kết thúc thực hiện chuyên đề.

d) Đối với các chuyên đề cấp Thành phố do các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố trực tiếp phụ trách, trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định, cơ quan, đơn vị chủ trì, thường trực chuyên đề phải xin ý kiến và được sự đồng ý về chủ trương đề nghị khen thưởng của Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phụ trách chuyên đề, lĩnh vực.

2. Khen thưởng tổng kết công tác năm:

a) Chưa xét khen thưởng đối với cơ quan, đơn vị đang trong quá trình thanh tra, kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm hoặc khi thực hiện kết luận thanh tra Nhà nước, kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước mà chưa khắc phục xong kết luận, kiến nghị, trừ các trường hợp có lý do chính đáng, được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

Sau khi có kết luận thanh tra, kiểm tra và khắc phục xong, các đơn vị được đề nghị khen thưởng bổ sung, nhưng thời hạn không quá 06 tháng kể từ khi Thành phố công bố các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

b) Không xem xét khen thưởng đối với trường hợp sau:

Có kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng của tổ chức đảng hoàn thành nhiệm vụ trở xuống.

Tập thể cơ quan, đơn vị có cán bộ lãnh đạo vi phạm bị thi hành kỷ luật đình chỉ chức vụ; có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm pháp luật bị khởi tố, truy tố.

3. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố) chịu trách nhiệm thẩm định hồ sơ khen thưởng, gồm: Danh mục hồ sơ, điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định và trình các cấp khen thưởng.

4. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp huyện) và các đơn vị thuộc Thành phố chịu trách nhiệm về thủ tục và hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, gồm: Hồ sơ, quy trình, tính chính xác của thành tích và các nội dung có liên quan.

Chương II

DANH HIỆU THI ĐUA VÀ ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Tặng hằng năm cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đạt các tiêu chuẩn tại khoản 1 Điều 24, Luật Thi đua, khen thưởng.

2. Tặng hằng năm cho công nhân, nông dân, người lao động đạt các tiêu chuẩn tại khoản 3 Điều 24, Luật Thi đua, khen thưởng và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập được nhiều thành tích trong lao động, sản xuất hoặc có đóng góp trong việc hướng dẫn, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

b) Có mô hình sản xuất hiệu quả, ổn định hoặc giúp đỡ hộ nông dân khác phát triển kinh tế, tạo việc làm cho người lao động.

Điều 6. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”

Tặng hằng năm cho các phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và tương đương cấp Thành phố; phòng, ban, đơn vị trực thuộc và tương đương cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; trường học, bệnh viện và tương đương, các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc các doanh nghiệp (các Tổng công ty, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên 100% vốn Nhà nước, Công ty cổ phần có vốn góp Nhà nước trực thuộc Thành phố), hợp tác xã, các tổ chức kinh tế khác như chi nhánh, văn phòng đại diện, xí nghiệp, phòng, phân xưởng, trung tâm; các tập thể nhỏ được các cơ quan có thẩm quyền thành lập, đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 7. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

Tặng hằng năm cho các phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và tương đương cấp Thành phố; phòng, ban, đơn vị trực thuộc và tương đương cấp huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã; trường học, bệnh viện và tương đương, các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng, ban và tương đương; Doanh nghiệp và các đơn vị trực thuộc các doanh nghiệp (các Tổng công ty, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên 100% vốn Nhà nước, Công ty cổ phần có vốn góp Nhà nước trực thuộc Thành phố), hợp tác xã, các tổ chức kinh tế khác như chi nhánh, văn phòng đại diện, xí nghiệp, phòng, phân xưởng, trung tâm; các tập thể nhỏ được các cơ quan có thẩm quyền thành lập, đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 27, Luật Thi đua, khen thưởng.

Điều 8. Đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Cờ thi đua của Thành phố”

1. Danh hiệu “Cờ thi đua của Thành phố” được xét tặng hằng năm cho các tập thể đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1, Điều 26 Luật Thi đua, khen thưởng và các tiêu chuẩn sau:

a) Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc, dẫn đầu trong phong trào thi đua thuộc cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập và tổ chức hoạt động;

b) Việc xét, đề nghị tặng “Cờ thi đua của Thành phố” phải căn cứ vào kết quả chấm điểm thi đua, được cụm, khối thi đua Thành phố bình xét, suy tôn, bỏ phiếu thống nhất thông qua.

2. Danh hiệu Cờ thi đua của Thành phố” để tặng cho tập thể tiêu biểu xuất sắc, dẫn đầu phong trào thi đua theo chuyên đề do Thành phố phát động có thời gian thực hiện từ 03 năm trở lên khi tổng kết phong trào.

Chương III

HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG VÀ ĐỐI TƯỢNG, TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 9. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Cá nhân đạt tiêu chuẩn tại điểm a khoản 1, Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng; chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong thực hiện phong trào thi đua, đạt chất lượng, hiệu quả, đóng góp thiết thực vào hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác của địa phương, cơ quan, đơn vị.

2. Cá nhân đạt tiêu chuẩn tại điểm b khoản 1 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập nhiều thành tích trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương, cơ quan, đơn vị, có phạm vi ảnh hưởng trong các lĩnh vực thuộc Thành phố;

b) Căn cứ mức độ lập thành tích đột xuất khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích xuất sắc trong các lĩnh vực để quyết định mức thưởng tương ứng:

Lập được thành tích đột xuất được Thành phố ghi nhận;

Lập được thành tích đột xuất ở mức độ xuất sắc được Thành phố ghi nhận, Lập được thành tích đột xuất ở mức độ đặc biệt xuất sắc được khu vực hoặc thể giới ghi nhận.

3. Cá nhân đạt tiêu chuẩn tại điểm c khoản 1, Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có nhiều thành tích đóng góp trong sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đóng góp trong các hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo của Thành phố;

b) Có sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ, có phạm vi ảnh hưởng trong các lĩnh vực thuộc Thành phố.

4. Cá nhân đạt tiêu chuẩn tại điểm d khoản 1, Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể: Cá nhân có 02 lần liên tục liền kề tính đến thời điểm xét khen được tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” hoặc có 02 năm liên tục liền kề trở lên tính đến thời điểm xét khen được công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng có hiệu quả trong phạm vi cơ sở hoặc có 02 đề tài khoa học, đề án khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cơ sở.

5. Cá nhân đạt tiêu chuẩn tại điểm đ khoản 1, Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Công nhân có sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ, mang lại lợi ích cho đơn vị, có phạm vi ảnh hưởng đối với cấp cơ sở hoặc có đóng góp trong việc hướng dẫn, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

b) Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 01 năm trở lên, có phạm vi ảnh hưởng đối với cấp cơ sở hoặc hướng dẫn, giúp đỡ hộ nông dân khác phát triển kinh tế, tạo việc làm cho người lao động.

6. Tập thể đạt tiêu chuẩn tại điểm a khoản 3, Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc, được cụm, khối thi đua Thành phố bình xét, suy tôn, biểu quyết thống nhất thông qua.

b) Có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong thực hiện chuyên đề, đạt chất lượng, hiệu quả, đóng góp thiết thực vào hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác của địa phương, cơ quan, đơn vị.

7. Tập thể đạt tiêu chuẩn tại điểm b khoản 3 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Lập nhiều thành tích trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương, cơ quan, đơn vị, có phạm vi ảnh hưởng trong các lĩnh vực thuộc Thành phố;

b) Căn cứ mức độ lập thành tích đột xuất khi dừng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích xuất sắc trong các lĩnh vực để quyết định mức thưởng tương ứng:

Lập được thành tích đột xuất được Thành phố ghi nhận;

Lập được thành tích đột xuất ở mức độ xuất sắc được Thành phố ghi nhận; Lập được thành tích đột xuất ở mức độ đặc biệt xuất sắc được khu vực hoặc thế giới ghi nhận.

8. Tập thể đạt tiêu chuẩn tại điểm c khoản 3, Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng và đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có nhiều thành tích đóng góp trong các lĩnh vực, góp phần vào sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đóng góp trong các hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo của Thành phố;

b) Có sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ có phạm vi ảnh hưởng trong các lĩnh vực thuộc Thành phố;

c) Nhân dịp kỷ niệm ngày thành lập năm tròn hoặc năm lẻ 5, có bề dày truyền thống, lập được nhiều thành tích xuất sắc góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của Thành phố.

9. Tập thể đạt tiêu chuẩn tại điểm d khoản 3 Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng, cụ thể: tập thể có 02 năm liên tục liền kề tính đến thời điểm xét khen được cơ quan có thẩm quyền công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hoặc đạt danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”.

10. Tặng cho hộ gia đình tiêu biểu trong số các hộ gia đình đạt tiêu chuẩn tại khoản 5, Điều 74 Luật Thi đua, khen thưởng, được địa phương, cơ quan, đơn vị xét, đề nghị Thành phố khen thưởng.

Điều 10. Thư khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

Là hình thức biểu dương, ghi nhận kịp thời của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố đối với các cá nhân, tập thể, hộ gia đình có hành động tiêu biểu, ảnh hưởng tích cực, có tính lan tỏa tại địa phương, cơ quan, đơn vị và Thành phố,

được các địa phương, cơ quan, đơn vị đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố biểu dương bằng hình thức Thư khen.

Điều 11. Giấy khen

Tặng hằng năm cho các cá nhân, tập thể, gia đình theo quy định tại Điều 75, Luật Thi đua, khen thưởng theo đối tượng, tiêu chuẩn sau:

1. Giấy khen để tặng cho cá nhân chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong thực hiện chuyên đề, đạt chất lượng, hiệu quả, đóng góp thiết thực vào hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác của địa phương, cơ quan, đơn vị;

b) Lập nhiều thành tích trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương, cơ quan, đơn vị;

c) Căn cứ mức độ lập thành tích đột xuất khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích xuất sắc trong các lĩnh vực để quyết định mức thưởng tương ứng:

Lập được thành tích đột xuất được địa phương, cơ quan, đơn vị ghi nhận;

Lập được thành tích đột xuất ở mức độ xuất sắc được địa phương, cơ quan, đơn vị ghi nhận;

Lập được thành tích đột xuất ở mức độ đặc biệt xuất sắc được địa phương, cơ quan, đơn vị ghi nhận.

2. Giấy khen để tặng cho tập thể chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

a) Có thành tích trong thực hiện chuyên đề, đạt chất lượng, hiệu quả, đóng góp thiết thực vào hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác của địa phương, cơ quan, đơn vị;

b) Lập nhiều thành tích trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của địa phương, cơ quan, đơn vị, có phạm vi ảnh hưởng đối với địa phương, cơ quan, đơn vị;

c) Căn cứ mức độ lập thành tích đột xuất khi dũng cảm cứu người, cứu tài sản của nhân dân, của Nhà nước hoặc trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc lập được thành tích xuất sắc trong các lĩnh vực để quyết định mức thưởng tương ứng:

Lập được thành tích đột xuất được địa phương, cơ quan, đơn vị ghi nhận;

Lập được thành tích đột xuất ở mức độ xuất sắc được địa phương, cơ quan, đơn vị ghi nhận;

Lập được thành tích đột xuất ở mức độ đặc biệt xuất sắc được địa phương, cơ quan, đơn vị ghi nhận.

d) Có nhiều thành tích đóng góp trong các lĩnh vực, góp phần vào sự nghiệp xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, có đóng góp trong các hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo của địa phương, cơ quan, đơn vị.

đ) Có sáng kiến, giải pháp kỹ thuật, ứng dụng tiên bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ có phạm vi ảnh hưởng đối với địa phương, cơ quan, đơn vị.

3. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản, có đóng góp trong các hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo cho địa phương, xã hội, có phạm vi ảnh hưởng cấp huyện.

4. Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã để tặng cho hộ gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản, có đóng góp trong các hoạt động xã hội, từ thiện nhân đạo cho địa phương, xã hội, có phạm vi ảnh hưởng cấp xã.

Chương IV

XIN Ý KIẾN KHEN THƯỞNG, CÔNG NHẬN MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ CỦA CÁ NHÂN, TẬP THỂ, HIỆP Y KHEN THƯỞNG, THẨM QUYỀN ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 12. Các trường hợp khen thưởng và đề nghị khen thưởng xin ý kiến Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy, Hội đồng Thi đua Khen thưởng Đảng bộ Thành phố, Đảng đoàn Hội đồng nhân dân Thành phố, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân Thành phố

Thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành; Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Thành phố, Ban Thường vụ Thành ủy, Thường trực Thành ủy; Quy chế làm việc của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Đảng bộ Thành phố; Quy chế làm việc của Đảng đoàn Hội đồng nhân dân Thành phố; Quy chế làm việc của Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 13. Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân, tập thể

1. Việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức, Luật Viên chức; việc công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với các đối tượng khác, thẩm quyền, tiêu chí đánh giá được quy định trong quy chế, quy định địa phương, cơ quan, đơn vị đảm bảo phù hợp theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Việc công nhận mức độ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đối với tập thể để đề nghị khen thưởng đáp ứng các tiêu chí quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP và thực hiện theo quy định của Thành phố.

Điều 14. Hiệp ý khen thưởng

1. Việc lấy ý kiến hiệp ý khen thưởng và lấy ý kiến các cơ quan chức năng có liên quan (nếu thấy cần thiết) đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, cấp Thành phố theo đề nghị của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương và các Bộ, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội Trung ương hoặc trước khi trình các cấp khen thưởng do Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố) thực hiện.

2. Khi có văn bản xin ý kiến của Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố), trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị (tính theo dấu bưu điện, hòm thư điện tử công vụ hoặc trên phần mềm xử lý văn bản), đơn vị được xin ý kiến hiệp ý có trách nhiệm trả lời bằng văn bản. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị được xin ý kiến hiệp ý chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung được xin ý kiến.

Điều 15. Hồ sơ đề nghị khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, cấp Thành phố được thực hiện theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Khi trình Ủy ban nhân dân Thành phố thì các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các đơn vị thuộc Thành phố gửi hồ sơ đề nghị khen thưởng đến Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố) theo quy định.

3. Số lượng hồ sơ đề nghị khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước: 02 bộ.

4. Số lượng hồ sơ đề nghị khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Thành phố: 01 bộ.

Điều 16. Thời gian nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng

Thời gian nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, cấp Thành phố được thực hiện theo Kế hoạch và hướng dẫn công tác thi đua, khen thưởng hằng năm của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 17. Thẩm quyền đề nghị khen thưởng

Được thực hiện theo Điều 83 Luật Thi đua, khen thưởng, Điều 29 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP, Điều 6 Thông tư số 1/2024/TT-BNV và theo các nội dung sau:

1. Các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện có phạm vi hoạt động trong Thành phố: do các sở, ban, ngành Thành phố được Ủy ban nhân dân Thành phố giao trách nhiệm quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực đối với hoạt động của hội, quỹ xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng

2. Hội hoạt động trong phạm vi Thành phố được giao biên chế và kinh phí hoạt động, có chức danh lãnh đạo hội thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý: hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố).

3. Các hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện có phạm vi hoạt động trong phạm vi cấp xã, cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

Chương V

TRAO TẶNG VÀ ĐÓN NHẬN DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

Điều 18. Trao tặng và đón nhận các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

Được thực hiện theo Điều 25, 26, 27, 28 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP và theo các nội dung sau:

1. Đơn vị chủ trì tổ chức buổi lễ công bố, trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phải xây dựng kịch bản lễ công bố trao tặng và đón nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, thống nhất với Sở Nội vụ (qua Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố).

2. Đại diện lãnh đạo của các đơn vị chủ trì tổ chức buổi lễ hoặc cơ quan thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng đơn vị chủ trì tổ chức buổi lễ công bố quyết định khen thưởng và điều hành nghi lễ trao tặng.

Chương VI**TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG THI ĐUA - KHEN THƯỞNG THÀNH PHỐ; TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỤM, KHỐI THI ĐUA THÀNH PHỐ****Điều 19. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố**

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố do Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động theo Điều 49 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố là cơ quan tham mưu, tư vấn cho Thành ủy, Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác thi đua, khen thưởng của Thành phố; nhiệm vụ, quyền hạn và thành phần của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố thực hiện theo khoản 3, Điều 49 Nghị định số 98/2023/NĐ-CP. Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố là cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố.

Điều 20. Tổ chức hoạt động, chức năng nhiệm vụ cụm, khối thi đua Thành phố

1. Tổ chức hoạt động cụm, khối thi đua Thành phố:

a) Được thành lập trên cơ sở sự phân chia tương đối giữa các đơn vị, địa phương có chức năng, nhiệm vụ hoặc điều kiện kinh tế, văn hóa, xã hội, tự nhiên

tương đồng; các đơn vị, địa phương trong cụm, khối cùng nhau phối hợp tổ chức các phong trào thi đua và thực hiện công tác thi đua, khen thưởng theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố.

b) Cụm, khối thi đua gồm có Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó và các đơn vị thành viên. Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó do các đơn vị trong cụm, khối lựa chọn, giới thiệu luân phiên trong kỳ họp tổng kết năm. Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó điều hành hoạt động của cụm, khối ngay sau khi được Cụm, Khối thống nhất giới thiệu và được sử dụng con dấu của đơn vị làm cơ sở pháp lý cho các văn bản phục vụ hoạt động cụm, khối thi đua. Cơ quan thường trực giúp việc cho Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó là bộ phận thường trực công tác thi đua, khen thưởng của đơn vị làm Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó. Nhiệm kỳ hoạt động của Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó là 01 năm.

c) Cụm, khối thi đua làm việc theo chế độ tập thể thông qua các kỳ họp, những ý kiến khác nhau chưa được thống nhất trong cụm, khối thi đua, Cụm trưởng, Khối trưởng báo cáo xin ý kiến quyết định của cấp trên trực tiếp và hướng dẫn của cơ quan (bộ phận) Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, thông báo cho các thành viên trong cụm, khối thi đua. Phiên họp của cụm, khối được tiến hành khi có ít nhất 2/3 thành viên cụm, khối thi đua dự họp.

d) Cụm, khối thi đua trực thuộc Thành phố chịu sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố.

đ) Cụm, khối thi đua trực thuộc các sở, ban, ngành; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã và các đơn vị thuộc Thành phố chịu sự chỉ đạo của sở, ban, ngành; Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố; Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã và các đơn vị thuộc Thành phố.

2. Chức năng nhiệm vụ của cụm, khối thi đua Thành phố:

a) Xây dựng chương trình, kế hoạch, quy chế hoạt động, tiêu chí chấm điểm thi đua của cụm, khối thi đua trên cơ sở khung tiêu chí chấm điểm do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

b) Tổ chức phát động, ký kết giao ước thi đua; cụ thể các chỉ tiêu, nội dung, biện pháp xây dựng phong trào thi đua trong cụm, khối thi đua nhằm phát triển mạnh mẽ, rộng khắp, đúng hướng và có hiệu quả.

c) Giới thiệu, tuyên truyền, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, các cách làm mới sáng tạo, hiệu quả để nâng cao chất lượng hoạt động công tác thi đua, khen thưởng của cụm, khối thi đua.

d) Tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết, đánh giá, bình xét, suy tôn các tập thể có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong cụm, khối thi đua và trình cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cho các tập thể tiêu biểu xuất sắc trong các cụm, khối thi đua hoặc trình cơ quan có thẩm quyền xét tặng.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ khác do cấp có thẩm quyền giao.

3. Các cụm, khối thi đua do Ủy ban nhân dân Thành phố thành lập trên cơ sở đề xuất của các đơn vị thuộc Thành phố và Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố).

Điều 21. Nhiệm vụ Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó các thành viên trong cụm, khối thi đua và bộ phận thường trực giúp việc Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó

1. Cụm trưởng, Khối trưởng chịu trách nhiệm trước cơ quan cấp trên trực tiếp về hoạt động của cụm, khối thi đua; chủ trì, thực hiện các nhiệm vụ chung của cụm, khối thi đua, ngoài ra thực hiện các nhiệm vụ:

a) Chủ trì đôn đốc, theo dõi, đánh giá phong trào thi đua các đơn vị trong cụm, khối thi đua theo Quy chế của cụm, khối xây dựng. Tổng hợp, báo cáo kết quả thi đua của cụm, khối thi đua theo định kỳ 06 tháng, 01 năm gửi về cơ quan cấp trên trực tiếp (qua cơ quan Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng).

b) Phối hợp với các cụm, khối thi đua khác các thành viên cụm, khối thi đua để học tập các mô hình mới, trao đổi nghiệp vụ công tác thi đua, khen thưởng, tổ chức chương trình giao lưu điển hình tiên tiến, người tốt, việc tốt nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của cụm, khối thi đua.

c) Phối hợp với cơ quan (bộ phận) Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thẩm định thành tích các đơn vị thành viên trong cụm, khối thi đua, bình chọn, suy tôn và đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, khen thưởng hoặc đề xuất các cấp khen thưởng thành tích công tác năm cho các đơn vị trong cụm, khối thi đua.

d) Trên cơ sở khung tiêu chí chấm điểm do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành, cụ thể hóa các nội dung chấm điểm phù hợp với đặc điểm chung của cụm, khối thi đua, thống nhất với các đơn vị thành viên; ban hành tiêu chí chấm điểm của cụm, khối thi đua.

2. Cụm phó, Khối phó phối hợp với Cụm trưởng, Khối trưởng xây dựng chương trình, kế hoạch và điều hành hoạt động của cụm, khối thi đua; thay mặt Cụm trưởng, Khối trưởng giải quyết một số công việc khi Cụm trưởng, Khối trưởng ủy quyền, phân công.

3. Các đơn vị thành viên cụm, khối thi đua:

a) Tham gia xây dựng nội dung quy chế hoạt động, chương trình hoạt động cụm, khối thi đua; các tiêu chí thi đua, thang bảng điểm thi đua và thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo qui định.

b) Phát hiện, tuyên truyền các mô hình, điển hình tiên tiến, cách làm mới có hiệu quả trong phong trào thi đua.

c) Tham gia đầy đủ và đúng thành phần các cuộc họp và hoạt động do cụm, khối thi đua tổ chức.

4. Bộ phận giúp việc Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó:

a) Dự thảo kế hoạch, chương trình công tác, Quy chế hoạt động, xây dựng tiêu chí chấm điểm thi đua; chuẩn bị nội dung và tham mưu tổ chức các hoạt động của cụm, khối thi đua.

b) Theo dõi, đôn đốc các đơn vị thành viên tham gia đầy đủ các hoạt động của cụm, khối thi đua; phối hợp với bộ phận thường trực công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị thành viên cụm, khối thi đua đánh giá tình hình tổ chức thực hiện các phong trào thi đua và công tác khen thưởng. Rà soát, tổng hợp điểm thi đua của các đơn vị thành viên theo quy chế và tiêu chí chấm điểm thi đua đã được các đơn vị trong cụm, khối thi đua thống nhất, ban hành.

c) Tham mưu các văn bản và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo của cụm, khối thi đua gửi về cấp trên trực tiếp qua cơ quan (bộ phận) Thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng theo quy định.

5. Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó và các đơn vị thành viên cụm có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ đột xuất khác do cấp trên trực tiếp giao.

Chương VII
MẪU BẰNG, HUY HIỆU, KHUNG BẰNG DANH HIỆU THI ĐUA, HÌNH
THỨC KHEN THƯỞNG; THỦ TỤC CẤP ĐỔI, CẤP LẠI HIỆN VẬT
KHEN THƯỞNG CẤP THÀNH PHỐ

Điều 22. Mẫu bằng, huy hiệu, khung bằng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Thành phố

Mẫu bằng, huy hiệu, khung bằng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng Thành phố có chất liệu đảm bảo đẹp, trang trọng, phù hợp từng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Thành phố (Phụ lục I).

Điều 23. Quản lý, cấp phát hiện vật khen thưởng

1. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố) có trách nhiệm mua sắm, bảo quản và cấp phát hiện vật khen thưởng cấp Thành phố cho các đơn vị có cá nhân, tập thể, hộ gia đình được khen thưởng; quản lý, hướng dẫn, kiểm tra việc cấp phát hiện vật khen thưởng cấp Thành phố cho các cá nhân, tập thể, hộ gia đình được khen thưởng.

2. Các đơn vị tổ chức trao tặng các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố kèm theo hiện vật khen thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình được khen thưởng.

3. Đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng khác do cơ quan có thẩm quyền quyết định khen thưởng tổ chức mua sắm, bảo quản, trao tặng và cấp phát hiện vật khen thưởng.

4. Cá nhân, tập thể, hộ gia đình được tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng có quyền lưu giữ, trưng bày, bảo quản và sử dụng hiện vật khen thưởng lâu dài, đúng mục đích và ý nghĩa. Tập thể được sử dụng biểu tượng của các hiện vật khen thưởng đã được tặng thưởng để tuyên truyền trên các văn bản, tài liệu chính thức của tập thể.

Điều 24. Cấp đổi hiện vật khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng cấp Thành phố gồm:

Công văn đề nghị cấp đổi kèm danh sách và hiện vật khen thưởng (bị hư hỏng không còn giá trị sử dụng và hư hỏng vì lý do khách quan như thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn hoặc do in sai bằng) gửi Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng

Thành phố) đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng cấp Thành phố (Mẫu số 01, 05 Phụ lục II).

2. Thủ tục cấp đổi hiện vật khen thưởng cấp Thành phố:

a) Tập thể có công văn, cá nhân, hộ gia đình có đơn đề nghị cấp đổi gửi các đơn vị (nơi đang công tác hoặc nơi cư trú) kèm theo hiện vật khen thưởng đề nghị cấp đổi (Mẫu số 01 và 02 Phụ lục II);

b) Các đơn vị tổng hợp và gửi công văn đề nghị cấp đổi kèm theo danh sách và hiện vật khen thưởng cũ, hư hỏng gửi Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố) xem xét, cấp đổi (Mẫu số 01, 05 Phụ lục II);

c) Xác nhận khen thưởng và thực hiện cấp đổi hiện vật khen thưởng:

Căn cứ công văn đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng của các đơn vị, Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố) tra cứu, xác nhận khen thưởng và thực hiện cấp đổi hiện vật khen thưởng đồng thời thu lại hiện vật khen thưởng cũ hỏng.

Hiện vật khen thưởng cấp đổi do Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố) chịu trách nhiệm mua sắm, in ấn theo mẫu quy định như sau: Mẫu bằng cấp đổi in theo thiết kế tại thời điểm tập thể, cá nhân được khen thưởng, trong đó phía dưới bên phải bằng in sẵn mẫu con dấu và chữ ký của người có thẩm quyền khen thưởng tại thời điểm đó; phía dưới bên trái bằng ghi “Quyết định khen thưởng số, ngày, tháng, năm, số sổ vàng” và ghi “chứng nhận cấp đổi bằng số, ngày, tháng, năm” của Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố). Tập thể, cá nhân khi được cấp đổi bằng sẽ được nhận kèm theo giấy chứng nhận cấp đổi (Mẫu số 07 Phụ lục II).

3. Thời gian giải quyết cấp đổi hiện vật khen thưởng cấp Thành phố:

Các đơn vị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị cấp đổi của tập thể, cá nhân gửi hồ sơ tới Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố).

Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố) trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trả kết quả cấp đổi cho các đơn vị.

4. Hiện vật khen thưởng thu lại do cấp đổi, Sở Nội vụ (Ban Thi đua Khen thưởng Thành phố) có trách nhiệm thực hiện thanh lý hoặc xử lý, tiêu hủy theo quy định hiện hành.

Điều 25. Cấp lại hiện vật khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng cấp Thành phố gồm:

Công văn đề nghị cấp lại kèm danh sách tập thể, cá nhân, hộ gia đình có hiện vật khen thưởng bị thất lạc, bị mất do khách quan như thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn hoặc do in sai bằng gửi Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố) đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng cấp Thành phố (Mẫu số 03, 06 Phụ lục II).

2. Thủ tục cấp lại hiện vật khen thưởng cấp Nhà nước.

a) Tập thể có công văn, cá nhân, hộ gia đình có đơn đề nghị cấp lại (Mẫu số 03 và 04 Phụ lục II) gửi các đơn vị (nơi đang công tác hoặc nơi cư trú) kèm theo hiện vật khen thưởng đề nghị cấp lại;

b) Các đơn vị đối chiếu hồ sơ lưu, xác nhận, tổng hợp và gửi công văn đề nghị cấp lại kèm theo danh sách (Mẫu số 03, 06 Phụ lục II) gửi Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố) xem xét, cấp đổi.

c) Xác nhận khen thưởng và thực hiện cấp lại hiện vật khen thưởng;

Căn cứ công văn đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng của các đơn vị, Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố) tra cứu hồ sơ, xác nhận khen thưởng và thực hiện cấp lại hiện vật khen thưởng.

Hiện vật khen thưởng cấp lại do Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố) chịu trách nhiệm mua sắm, in ấn theo mẫu quy định như sau: Mẫu bằng cấp lại in theo thiết kế tại thời điểm cá nhân, tập thể, hộ gia đình được khen thưởng, trong đó phía dưới bên phải bằng in sẵn mẫu con dấu và chữ ký của người có thẩm quyền khen thưởng tại thời điểm đó; phía dưới bên trái bằng ghi “Quyết định khen thưởng số, ngày, tháng, năm, số số vàng” và ghi “chứng nhận cấp lại bằng số, ngày, tháng, năm” của Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố). Tập thể, cá nhân khi được cấp lại bằng sẽ được nhận kèm theo giấy chứng nhận cấp lại (Mẫu số 08 Phụ lục II).

3. Thời gian giải quyết cấp lại hiện vật khen thưởng cấp Nhà nước

Các đơn vị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị cấp lại của cá nhân, tập thể, hộ gia đình phải xác nhận khen thưởng và gửi hồ sơ tới Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố).

Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố) trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ trả kết quả cấp lại cho các đơn vị.

Chương VIII

XỬ LÝ VI PHẠM VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 26. Hình thức xử lý vi phạm về thi đua, khen thưởng đối với tập thể, cá nhân được khen thưởng

Thực hiện theo Điều 93, Luật Thi đua, khen thưởng.

1. Sau khi nhận được quyết định hủy bỏ danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng, trong vòng 15 ngày làm việc, đơn vị trình khen thưởng có trách nhiệm thu hồi và nộp lại đầy đủ hiện vật khen thưởng, tiền thưởng của cá nhân, tập thể, gia đình đã nhận cho Ủy ban nhân dân Thành phố qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua Khen thưởng Thành phố).

2. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố) có trách nhiệm đôn đốc các đơn vị thu hồi và nộp lại đầy đủ hiện vật khen thưởng, tiền thưởng của cá nhân, tập thể, hộ gia đình đã nhận đúng thời hạn; tiền thưởng bị thu hồi được nộp vào ngân sách nhà nước hoặc Quỹ Thi đua, khen thưởng Thành phố theo quy định.

Điều 27. Hồ sơ đề nghị tước, hồ sơ đề nghị phục hồi các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng

1. Hồ sơ đề nghị tước các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, Thành phố gồm:

a) Tờ trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; Thủ trưởng sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, các doanh nghiệp, các đơn vị thuộc Thành phố gửi Ủy ban nhân dân Thành phố qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua Khen thưởng Thành phố).

b) Báo cáo tóm tắt căn cứ, nêu rõ nội dung hoặc giải trình lý do đề nghị tước danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

2. Hồ sơ đề nghị phục hồi các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Nhà nước, Thành phố gồm:

a) Tờ trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã; thủ trưởng sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, các doanh nghiệp, các đơn vị thuộc Thành phố gửi Ủy ban nhân dân Thành phố qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố).

b) Báo cáo tóm tắt căn cứ, nêu rõ nội dung hoặc giải trình lý do đề nghị phục hồi danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

Chương IX

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố, các tổ chức hội, quỹ, các quận, huyện, thị xã, các đơn vị thuộc Thành phố, các cụm, khối thi đua thuộc Thành phố có trách nhiệm:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc quy định này. Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng, các văn bản hướng dẫn thi hành và quy định này để xây dựng quy định (quy chế) thi đua, khen thưởng cho phù hợp với đặc thù của từng địa phương, đơn vị

b) Chủ động phát hiện, xét, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất hoặc làm thủ tục đề nghị Ủy ban nhân dân Thành phố khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu.

c) Hằng năm có trách nhiệm xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng, nâng cao vai trò quản lý Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng.

2. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố) có trách nhiệm: a) Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các đơn vị trực thuộc Thành phố triển khai thực hiện nghiêm túc quy định này.

b) Kiểm tra, giám sát các cụm, khối thi đua, các đơn vị thuộc Thành phố về việc thực hiện các quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có vướng mắc, khó khăn, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Ủy ban nhân dân Thành phố qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố kịp thời xem xét, điều chỉnh./.

Phụ lục I**MẪU TRÌNH BÀY BẰNG, HUY HIỆU KHEN THƯỞNG CẤP THÀNH PHỐ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

Mẫu 01. Mẫu bằng khen của Ủy ban nhân dân Thành phố

Mẫu 02. Mẫu bằng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”

Mẫu 03. Mẫu bằng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua Thành phố”

Mẫu 04. Mẫu huy hiệu và hộp đựng huy hiệu “Chiến sĩ thi đua Thành phố”

Mẫu 05. Mẫu khung bằng khen Thành phố

Mẫu 01



Mẫu 02

Mẫu số 03

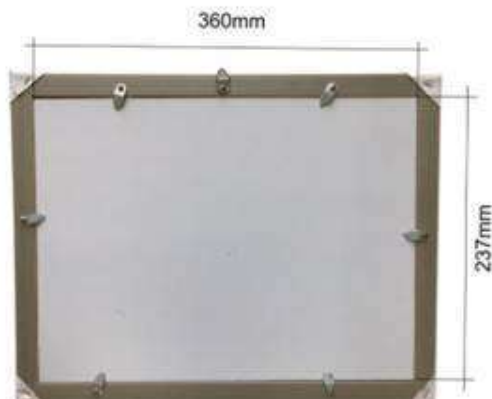


Mẫu số 04



Mẫu số 05**KHUNG BẢNG KHEN**

- Chất liệu: nhựa composite đặc ruột ép góc kỹ, đúc nổi hoa văn sơn màu nhũ vàng
- Kích thước 360x237mm
- Mặt mica
- Hệu trắng, có bo góc

**Mặt trước****Mặt sau**

Phụ lục II
MẪU TRÌNH BÀY ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI, CẤP LẠI HIỆN VẬT
KHEN THƯỞNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2024
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)*

- Mẫu 01. Công văn đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng của tập thể
- Mẫu 02. Đơn đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng của cá nhân, hộ gia đình
- Mẫu 03. Công văn đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng của tập thể
- Mẫu 04. Đơn đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng của cá nhân, hộ gia đình
- Mẫu 05. Danh sách đề nghị cấp đổi hiện vật khen thưởng
- Mẫu 06. Danh sách đề nghị cấp lại hiện vật khen thưởng
- Mẫu 07. Giấy chứng nhận Cấp đổi bằng
- Mẫu 08. Giấy chứng nhận Cấp lại bằng

Mẫu 01

.....
.....
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

Hà Nội, ngày tháng năm

V/v đề nghị cấp đổi hiện vật
khen thưởng cấp Thành phố

Kính gửi:¹Tên tập thể đề nghị cấp đổi²:

Địa chỉ:

Điện thoại liên hệ:

Đã được tặng thưởng³:Theo Quyết định số⁴: ngày tháng nămCủa⁵:Số sổ vàng⁶:Đơn vị trình khen⁷:Lý do cấp đổi⁸:Hiện vật xin cấp đổi¹⁰:

1.

2.

(Có hiện vật xin cấp đổi kèm theo)

(Tên tập thể đề nghị cấp đổi) cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu
sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Tất cả các thông tin kê khai phải đúng với nội dung ghi trong quyết định khen thưởng.

- 1: Ghi tên cơ quan có thẩm quyền giải quyết.
- 2: Ghi tên của tập thể được khen thưởng.
3. Ghi tên đơn vị cấp trên trực tiếp.
4. Ghi hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua.
5. Ghi số quyết định, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng.
6. Ghi tên cơ quan ban hành quyết định khen thưởng hoặc thẩm quyền khen ghi trên bằng.
7. Ghi số thứ tự trong quyết định khen thưởng hoặc số sổ vàng ghi trên bằng.
8. Đơn vị trình khen: Ghi tên sở, ban, ngành, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã, đơn vị thuộc Thành phố đã trình khen cho tập thể.
9. Ghi hư hỏng hoặc ghi in sai bằng.
10. Có nhu cầu cấp đổi hiện vật khen thưởng gì thì ghi tên hiện vật khen thưởng đó.

Mẫu 02**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG**Kính gửi:¹Tên cá nhân, hộ gia đình đề nghị cấp đổi²:

Số CCCD hoặc CMTND.....

Cấp đổi cho³:Quê quán/chức vụ, đơn vị công tác⁴:

Địa chỉ hiện nay:

Điện thoại liên hệ:

Đã được tặng thưởng⁵:Theo Quyết định số⁶: ngày tháng nămCủa⁷:Số sổ vàng⁸:Đơn vị trình khen⁹:Lý do cấp đổi¹⁰ :Hiện vật xin cấp đổi¹¹:

1.

2.

(Có hiện vật xin cấp đổi kèm theo)

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

*(Địa danh), ngày tháng năm***Người đề nghị**

Tất cả các thông tin kê khai phải đúng với nội dung ghi trong quyết định khen thưởng.

1: Ghi tên cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

2: Ghi tên của người đề nghị cấp đổi nếu thân nhân đề nghị cấp đổi cho đối tượng được khen thưởng. Ghi tên đối tượng được khen thưởng nếu đối tượng được khen thưởng đề nghị cấp đổi cho bản thân. Ghi tên người đại diện hộ gia đình nếu đề nghị cấp đổi cho hộ gia đình.

3. Ghi tên đối tượng được khen thưởng cần cấp đổi.

4. Ghi quê quán đối với đối tượng được khen thưởng kháng chiến. Ghi chức vụ, đơn vị công tác đối với đối tượng được khen thưởng kinh tế xã hội. (Ghi theo địa danh/chức vụ, đơn vị khi được khen thưởng, không ghi theo địa danh mới). Ghi địa chỉ hộ gia đình nếu đề nghị cấp đổi cho hộ gia đình.

5. Ghi hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua.

6. Ghi số quyết định, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng.

7. Ghi tên cơ quan ban hành quyết định khen thưởng hoặc thẩm quyền khen ghi trên bằng.

8. Ghi số thứ tự trong quyết định khen thưởng hoặc số sổ vàng ghi trên bằng.

9. Đơn vị trình khen: Ghi tên sở, ban, ngành, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã, đơn vị thuộc Thành phố đã trình khen cho cá nhân, hộ gia đình.

10. Ghi hư hỏng hoặc ghi in sai bằng.

11. Có nhu cầu cấp đổi hiện vật khen thưởng gì thì ghi tên hiện vật khen thưởng đó.

Mẫu 03

.....
.....
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....

Hà Nội, ngày tháng năm

V/v đề nghị cấp lại hiện vật
khen thưởng cấp Thành phố

Kính gửi:¹

Tên tập thể đề nghị cấp lại²:

Trực thuộc³:

Địa chỉ hiện nay:

Điện thoại liên hệ:

Đã được tặng thưởng⁴:

Theo Quyết định số⁵: ngày tháng năm

Của⁶:

Số sổ vàng⁷:

Đơn vị trình khen⁸:

Lý do cấp lại: ⁹

Hiện vật xin cấp lại:¹⁰

1.

2.

(Tên tập thể đề nghị cấp lại) cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)

Tất cả các thông tin kê khai phải đúng với nội dung ghi trong quyết định khen thưởng

- 1: Ghi tên cơ quan có thẩm quyền giải quyết
- 2: Ghi tên của tập thể được khen thưởng
3. Ghi tên đơn vị cấp trên trực tiếp
4. Ghi hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua.
5. Ghi số quyết định, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng.
6. Ghi tên cơ quan ban hành quyết định khen thưởng hoặc thẩm quyền khen ghi trên bằng
7. Ghi số thứ tự trong quyết định khen thưởng hoặc số sổ vàng ghi trên bằng.
8. Đơn vị trình khen: Ghi tên sở, ban, ngành, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã, đơn vị thuộc Thành phố đã trình khen cho tập thể.
9. Ghi thất lạc hoặc ghi in sai bằng
10. Có nhu cầu cấp lại hiện vật khen thưởng gì thì ghi tên hiện vật khen thưởng đó.

Mẫu 04**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG**Kính gửi:¹Tên cá nhân, hộ gia đình đề nghị cấp lại²:

Số CCCD hoặc CMND:

Cấp lại cho ³:Quê quán/chức vụ, đơn vị công tác⁴:

Địa chỉ hiện nay:

Điện thoại liên hệ:

Đã được tặng thưởng⁵:Theo Quyết định số⁶: ngày tháng nămCủa⁷:Số sổ vàng⁸:Đơn vị trình khen⁹:Lý do cấp lại ¹⁰:Hiện vật xin cấp lại¹¹ :

1.

2.

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

*(Địa danh), ngày tháng năm***Người đề nghị**

Tất cả các thông tin kê khai phải đúng với nội dung ghi trong quyết định khen thưởng.

1: Ghi tên cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

2: Ghi tên của người đề nghị cấp lại nếu thân nhân đề nghị cấp lại cho đối tượng được khen thưởng. Ghi tên đối tượng được khen thưởng nếu đối tượng được khen thưởng đề nghị cấp lại cho bản thân. Ghi tên người đại diện hộ gia đình nếu đề nghị cấp lại cho hộ gia đình.

3. Ghi tên đối tượng được khen thưởng cần cấp lại.

4. Ghi quê quán đối với đối tượng được khen thưởng kháng chiến. Ghi chức vụ, đơn vị công tác đối với đối tượng được khen thưởng kinh tế xã hội. (Ghi theo địa danh/chức vụ, đơn vị công tác khi được khen thưởng, không ghi theo địa danh mới). Ghi địa chỉ hộ gia đình nếu đề nghị cấp lại cho hộ gia đình.

5. Ghi hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua.

6. Ghi số quyết định, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng.

7. Ghi tên cơ quan ban hành quyết định khen thưởng hoặc thẩm quyền khen ghi trên bằng

8. Ghi số thứ tự trong quyết định khen thưởng hoặc số sổ vàng ghi trên bằng.

9. Đơn vị trình khen: Ghi tên sở, ban, ngành, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã, đơn vị thuộc Thành phố đã trình khen cho cá nhân, hộ gia đình.

10. Ghi thất lạc hoặc in sai bằng.

11. Có nhu cầu cấp lại hiện vật khen thưởng gì thì ghi tên hiện vật khen thưởng đó.

Mẫu số 05**DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP ĐỔI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG***(Kèm theo Công văn số ngày tháng năm của)*

TT	Hình thức khen thưởng/Danh hiệu thi đua	Tên đối tượng được khen thưởng	Quê quán/chức vụ, đơn vị công tác	Số Quyết định khen thưởng	Ngày, tháng, năm Quyết định	Số sổ vàng	Họ và tên người ký bằng	Đơn vị trình khen thưởng	Hiện vật đề nghị cấp đổi		Lý do cấp đổi
									Bằng	Huy hiệu, Kỷ niệm chương	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Tổng số: trường hợp cấp đổi**Có: hiện vật khen thưởng cấp đổi kèm theo***Địa danh, ngày tháng năm***Thủ trưởng đơn vị***(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

- Ghi số thứ tự trong danh sách.
- Ghi tên hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua của đối tượng được khen thưởng.
- Ghi tên tập thể hoặc cá nhân, hộ gia đình được khen thưởng.
- Ghi quê quán đối với đối tượng khen thưởng kháng chiến, ghi chức vụ, đơn vị công tác đối với khen kinh tế xã hội.
- Ghi số của Quyết định khen thưởng.
- Ghi ngày, tháng, năm của Quyết định khen thưởng.
- Ghi số thứ tự trong quyết định hoặc sổ sổ vàng ghi trên bằng.
- Ghi họ và tên người ký bằng.
- Ghi tên sở, ban, ngành, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã, đơn vị thuộc Thành phố đã trình khen cho đối tượng được khen thưởng trước đây.
- Tích dấu “X” nếu đề nghị cấp đổi bằng.
- Tích dấu “X” nếu đề nghị cấp đổi Huy hiệu, kỷ niệm chương.
- Ghi bị hư hỏng hoặc in sai bằng.

Mẫu số 06

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG

(Kèm theo Công văn số ngày tháng năm của)

TT	Hình thức khen thưởng/Danh hiệu thi đua	Tên đối tượng được khen thưởng	Quê quán/Chức vụ, đơn vị công tác	Số Quyết định khen thưởng	Ngày, tháng, năm Quyết định	Số sổ vàng	Họ và tên người ký bằng	Đơn vị trình khen thưởng	Hiện vật đề nghị cấp đổi		Lý do cấp lại
									Bằng	Huy hiệu, Kỷ niệm chương	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

Tổng số: trường hợp cấp lại

Địa danh, ngày tháng năm

Thủ trưởng đơn vị

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

- Ghi số thứ tự trong danh sách
- Ghi tên hình thức khen thưởng, danh hiệu thi đua của đối tượng được khen thưởng
- Ghi tên tập thể hoặc cá nhân, hộ gia đình được khen thưởng
- Ghi quê quán đối với đối tượng khen thưởng kháng chiến, ghi chức vụ, đơn vị công tác đối với khen kinh tế xã hội
- Ghi số của Quyết định khen thưởng
- Ghi ngày, tháng, năm của Quyết định khen thưởng
- Ghi số thứ tự trong quyết định hoặc sổ sổ vàng ghi trên bằng
- Ghi họ và tên người ký bằng
- Ghi tên sở, ban, ngành, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã, đơn vị thuộc Thành phố đã trình khen cho đối tượng được khen thưởng trước đây.
- Tích dấu “X” nếu đề nghị cấp lại bằng
- Tích dấu “X” nếu đề nghị cấp lại huân chương, huy chương, kỷ niệm chương
- Ghi bị thất lạc hoặc in sai

Mẫu 07

**SỞ NỘI VỤ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BAN THI ĐUA - KHEN THƯỞNG
THÀNH PHỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GCN-BTĐ

Hà Nội, ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN
Cấp đổi bằng (1)**

Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố chứng nhận cấp đổi bằng cho:

Tên tập thể (họ và tên cá nhân, hộ gia đình):

Quê quán (chức vụ, đơn vị công tác):

Đã được tặng thưởng: (1)

Thành tích khen thưởng: (2)

Theo Quyết định (Nghị quyết, Lệnh) số: ngày tháng năm

Của (3)

Số sổ vàng:

Đơn vị trình khen: (4)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, dấu)**

Họ và tên

Ghi chú: Các thông tin ghi trên Giấy chứng nhận đều đúng theo Quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền

(1) Ghi hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua, danh hiệu khen thưởng cấp Thành phố.

(2) Ghi câu thành tích trong Quyết định khen thưởng;

(3) Ghi thẩm quyền quyết định khen thưởng;

(4) Ghi tên sở, ban, ngành, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã, đơn vị thuộc Thành phố đã trình khen cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình.

Mẫu 08

**SỞ NỘI VỤ THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BAN THI ĐUA - KHEN THƯỞNG
THÀNH PHỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GCN-BTĐ

Hà Nội, ngày tháng năm

**GIẤY CHỨNG NHẬN
Cấp lại bằng (1)**

Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố chứng nhận cấp lại bằng cho:

Tên tập thể (họ và tên cá nhân, hộ gia đình):

Quê quán (chức vụ, đơn vị công tác):

Đã được tặng thưởng: (1)

Thành tích khen thưởng: (2)

Theo Quyết định (Nghị quyết, Lệnh) số: ngày tháng năm

Của (3)

Số sổ vàng:

Đơn vị trình khen: (4)

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ
CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký, dấu)**

Họ và tên

Ghi chú: Các thông tin ghi trên Giấy chứng nhận đều đúng theo Quyết định khen thưởng của cấp có thẩm quyền

(1) Ghi hình thức khen thưởng hoặc danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng cấp Thành phố;

(2) Ghi câu thành tích trong Quyết định khen thưởng;

(3) Ghi thẩm quyền quyết định khen thưởng;

(4) Ghi tên sở, ban, ngành, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã, đơn vị thuộc Thành phố đã trình khen cho tập thể, cá nhân, hộ gia đình.